

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành  
Dự án: Trường Tiểu học Lê Hồng Phong**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Căn cứ Quyết định số 6805/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của UBND thành phố Quy Nhơn về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 1) dự án Trường Tiểu học Lê Hồng Phong;*

*Căn cứ Quyết định số 97/QĐ-PGDĐT ngày 30/11/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Quy Nhơn về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Trường Tiểu học Lê Hồng Phong; Hạng mục: Xây dựng nhà lớp học, chức năng và hạng mục phụ trợ;*

*Xét Tờ trình số 311/TTr-GDĐT ngày 08/4/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Quy Nhơn về việc đề nghị thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành;*

*Theo kết quả thẩm tra của phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố tại Báo cáo số 204/BC-TCKH ngày 06/6/2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành**

- Tên công trình: Trường Tiểu học Lê Hồng Phong.
- Chủ đầu tư: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Quy Nhơn.
- Cấp quyết định đầu tư: UBND thành phố Quy Nhơn.
- Cơ quan phê duyệt dự án đầu tư: UBND thành phố Quy Nhơn.
- Thời gian khởi công – hoàn thành: 19/4/2022 – 07/7/2023.
- Địa điểm thực hiện: Phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn.

**Điều 2. Kết quả đầu tư**

## 1. Nguồn vốn đầu tư:

*Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Nội dung	TMĐT được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán
<b>1</b>	<b>Vốn đầu tư công</b>	<b>31.369.884.742</b>	<b>28.924.257.000</b>	<b>28.822.153.000</b>	<b>102.104.000</b>	<b>0</b>
1.1	Vốn ngân sách nhà nước	31.369.884.742	28.924.257.000	28.822.153.000	102.104.000	0
	<i>Ngân sách thành phố</i>	<i>31.369.884.742</i>	<i>28.924.257.000</i>	<i>28.822.153.000</i>	<i>102.104.000</i>	<i>0</i>

## 2. Chi phí đầu tư:

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Nội dung chi phí	TMĐT được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Chủ đầu tư đề nghị quyết toán	Thẩm tra quyết toán
	<b>Tổng số</b>	<b>31.369.884.742</b>	<b>28.826.248.000</b>	<b>28.924.257.000</b>
1	Xây lắp	23.668.423.227	23.382.573.000	23.382.573.000
2	Chi phí BT	0	0	0
3	Thiết bị	2.962.679.200	2.949.216.000	2.949.216.000
4	Quản lý dự án	662.044.114	639.514.000	639.514.000
5	Tư vấn ĐTXD	1.928.176.749	1.821.366.000	1.821.366.000
	- Chi phí lập BCNCKT		303.482.000	303.482.000
	- Chi phí Tư vấn TK BVTC & DT		684.677.000	684.677.000
	- Chi phí thẩm tra TK, DT		102.850.000	102.850.000
	- Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT nhà thầu tư vấn QLDA		5.850.000	5.850.000
	- Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT nhà thầu tư vấn TK BVTC & DT		5.610.000	5.610.000
	- Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng		5.571.000	5.571.000
	- Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT nhà thầu thi công xây lắp, mua sắm thiết bị		90.375.000	90.375.000
	- Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT tư vấn QLDA		2.000.000	2.000.000
	- Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT tư vấn TK BVTC & DT		2.000.000	2.000.000
	- Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT tư vấn giám sát thi công xây dựng		1.963.000	1.963.000
	- Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT thi công xây lắp, mua sắm thiết bị		23.769.000	23.769.000
	- Chi phí giám sát		593.219.000	593.219.000
6	Chi phí khác	155.544.416	33.579.000	131.588.000
	- Chi phí thẩm định BCNCKT		2.697.000	2.697.000
	- Chi phí thẩm duyệt PCCC		1.398.000	1.398.000
	- Chi phí thẩm định giá thiết bị		10.550.000	10.550.000
	- Chi phí thẩm tra quyết toán			98.009.000
	- Chi phí bảo hiểm công trình xây dựng		18.934.000	18.934.000
7	Chi phí dự phòng	1.993.017.036		

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:  
 3.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.  
 3.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không.  
 4. Giá trị hình thành tài sản qua đầu tư:

*Đơn vị tính: đồng*

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<b>Tổng số</b>			<b>28.924.257.000</b>	<b>28.924.257.000</b>
1. Tài sản dài hạn (cố định)			28.924.257.000	28.924.257.000

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không

### **Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan**

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1. Được phép tất toán vốn và chi phí đầu tư công trình là:

*Đơn vị tính: đồng*

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng số</b>	<b>28.924.257.000</b>	
1. Đã bố trí	28.822.153.000	
<i>Ngân sách thành phố</i>	<i>28.822.153.000</i>	
2. Chưa bố trí	102.104.000	

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán là:

- Tổng nợ phải thu: **0 đồng.**

- Tổng nợ phải trả: **102.104.000 đồng.**

Trong đó:

+ Chi phí thẩm định BCNCKT: 2.697.000 đồng

+ Chi phí thẩm duyệt PCCC: 1.398.000 đồng

+ Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán: 98.009.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản.

*Đơn vị tính: đồng*

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định
Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	28.924.257.000

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Chịu trách nhiệm về những nội dung, công việc của từng đơn vị, cơ quan đã thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố, Hiệu trưởng Trường TH Lê Hồng Phong, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bình Định và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như điều 4;
- CT, các PCT UBND TP;
- VP (LĐ+C<sub>17</sub>);
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Phương Nam**